

ÔN TẬP CUỐI HỌC KỲ 6 NĂM 3 KHÓA I

Môn : Hán cổ

(Dựa vào âm Hán Việt viết chữ Hán và dịch nghĩa)

1. Hạng trung hữu ốc, tứ diện đoản tường, hướng nam khai môn: 巷中有屋，四面短牆，向南開門。 Trong hẻm có nhà, bốn mặt có tường, mở cửa về hướng nam.
2. Khách đường tại tiền, thư trai tại bàng, ngọa thất tại hậu: 客堂在前，書齋在旁，臥室在後。 Nhà khách ở phía trước, phòng học ở bên cạnh, nhà ngủ ở phía sau.
3. Bắc phong khởi, đại tuyết phi. Đăng lâu viễn vọng, nhất phiến bạch sắc: 北風起大雪飛。登樓遠望，一片白色。 Gió bắc (bắc) nổi lên, tuyết bay rất nhiều. Lên lầu trông ra xa, (thấy) một dải màu trắng.
4. Tuyết chỉ nhật xuất, thiềm lự thành băng. Kỳ hình như trộ: 雪止日出，檐溜成冰。其形如箸。 Tuyết ngừng (rơi), mặt trời mọc, nước trên mái hiên chảy xuống thành băng, hình giống chiếc đũa.
5. Nhất đồng tử tọa hà bàng, thủ trì tiểu can, hệ nhị điều ngư: 一童子坐河旁。手持小竿，繫餌釣魚。 Một đứa trẻ ngồi bên sông. Tay cầm cần câu nhỏ, buộc mồi câu cá.
6. Thủy trung ngư lai thôn nhĩ: Điều ti nhất động, cử can đắc ngư: 水中魚，來吞餌。釣絲一動，舉竿得魚。 Con cá trong nước đến đớp mồi. Dây câu mỗi lần lay động, nhấc cần câu lên được cá.
7. Tiểu trì đường, xuân thời thủy thâm, đông thời thủy thiển: 小池塘，春時水深，冬時水淺。 Ao nhỏ, mùa xuân nước sâu, mùa đông nước cạn.

8. Lưỡng nữ tử tại trì bạn, dĩ dũng hấp thủy, dĩ chử đảo y: 兩女子在池畔，以桶汲水，以杵擣衣。 Hai cô gái ở bên bờ ao, dùng thùng múc nước, dùng chày đập áo.
9. Ngã trưởng huynh tại tha hương, niên niên tác khách, cửu vị quy gia: 我長兄在他鄉，年年作客，久未歸家。 Anh cả tôi ở xa quê, nhiều năm làm khách, lâu chưa về nhà.
10. Ngã cư gia trung, tư huynh vô dĩ, tả thư nhất phong: 我居家中，思兄無已，寫書一封。 Tôi ở trong nhà, nhớ anh không nguôi, viết một bức thư,
11. Ngã cư gia trung, tả thư nhất phong, vấn huynh an phủ? 我居家中，寫書一封，問兄安否。 Tôi ở trong nhà, viết một bức thư, hỏi anh có bình yên không?
12. Quan Âm Bồ tát quán khán thế nhân xưng danh chi âm thanh: 觀音菩薩觀看世人稱名之音聲。 Bồ Tát Quan Âm xem xét âm thanh người đời xưng tụng danh hiệu của Ngài.
13. Thử Bồ tát quán khán âm thanh, nhi hậu cứu chúng sinh dã: 觀音菩薩觀看音聲，而後救眾生也。 Bồ Tát Quan Âm xem xét âm thanh, rồi mới cứu chúng sanh.
14. Nhiên âm thanh Quan Âm Bồ Tát hà dĩ năng quan khán? 然音聲觀音菩薩何以能觀看? Nhưng âm thanh Bồ Tát Quan Âm làm sao có thể quán sát được.
15. Cái Quan Âm Bồ tát năng lục căn hỗ dụng: 蓋觀音菩薩能六根互用。 Bởi vì Bồ Tát Quan Âm có thể sáu căn dùng lẫn nhau.

16. Quan Âm Bồ Tát nhược y tự giác thích, tức phản quan: 觀音菩薩若依自覺釋，即反觀。Bồ Tát Quan Âm nếu y theo nghĩa tự giác để giải thích thì có nghĩa là quán xét trở lại.
17. Năng văn thế gian âm thanh chi tự tính nhi ngộ đạo giả: 菩薩能聞世間音聲之自性而悟道者。Bồ Tát có thể nghe được tự tính âm thanh thế gian mà ngộ đạo.